

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2020/HS-PT

Ngày: 17 – 8 – 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Quý

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Trinh

Ông Trương Hoài Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Giang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thành Lộc – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 89/2020/TLPT-HS ngày 07 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Tấn Đ do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 73/2020/HS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận U.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Tấn Đ, sinh năm: 1991 tại Cần Thơ. Nơi cư trú: Ấp X, xã S, huyện V, thành phố Cần Thơ; chỗ ở: Tổ 59, khu vực 11, phường P, quận R, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Nhân viên; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị Mỹ D; anh chị ruột có 02 người (lớn sinh năm 1980, nhỏ sinh năm 1981); có vợ Đặng Thị Hồng M và có 01 người con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại (*có mặt*).

Trong vụ án còn có các bị cáo khác, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có đơn kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 6/2019, do không có tiền tiêu xài nên Lương Thị Thu N thường xuyên lên các trang mạng internet để xem các nội dung cách thức làm tiền giả; quan sát thấy cách làm tiền giả đơn giản nên nảy sinh ý định làm tiền giả nhằm mục đích để mua hàng hóa, tiêu xài cá nhân, bán lại cho người khác để

lấy tiền thật. Lương Thị Thu N rủ Trần T, Huỳnh Thu E và Đặng Thanh C cùng tham gia; T, Thu E và C biết việc làm tiền giả là vi phạm pháp luật nhưng do không có tiền tiêu xài cá nhân nên tất cả đồng ý. N kêu T lên mạng Internet xem cách thức làm tiền giả in ra giấy bằng phương pháp in phun màu; N chịu trách nhiệm mua máy ép nhiệt, bọc ni lon, giấy trắng A4 loại mỏng; còn C và Thu E hùn tiền mua máy vi tính, máy in màu giao cho T thực hiện thao tác in tiền giả ra giấy để N và Thu E cắt, ép nilon hoàn chỉnh việc làm tiền giả.

Khi thỏa thuận xong T đặt mua một máy in phun màu hiệu EPSON - L310 tại thành phố Hồ Chí Minh với giá 3.500.000 đồng gửi về thành phố Cần Thơ, Thu E đưa tiền cho C đi nhận máy và đem E về phòng trọ số 13, nhà trọ Hữu Phước, hẻm 234 đường I, phường W, quận U, thành phố Cần Thơ cất giữ. Do không có đủ tiền mua máy vi tính nên H mượn máy Laptop nhãn hiệu ASUS của vợ chồng con gái tên Đặng Thị Hồng M – Nguyễn Tấn Đ nhưng không nói để sử dụng in tiền giả nên M – Đ đồng ý.

Do T không biết cài đặt kết nối giữa Laptop với máy in nên C nhờ Đ đến phòng trọ cài đặt giúp. Sau khi cài đặt xong, T sử dụng Laptop lên mạng Internet tìm kiếm và tải các hình tiền Việt Nam đang được phép lưu hành có mệnh giá từ 5.000 đồng đến 500.000 đồng lưu về máy Laptop và in ra giấy A4 bằng máy in phun màu. Do T in không đúng với kích thước, không biết cách in hai mặt tờ tiền cho khớp trên giấy A4 nên C tiếp tục nhờ Đ đến phòng trọ để hướng dẫn cho T cách in hai mặt của tờ tiền; C và T nói với Đ là đang chuẩn bị in tiền giả, Đ không nói gì và hướng dẫn cho T cách in hai mặt và in thử tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng.

Đ phát hiện việc in trực tiếp mà không sử dụng phần mềm chỉnh sửa hình ảnh sẽ không in được chính xác kích thước và trùng khớp hai mặt của tờ tiền nên Đ đã nói cho T và C biết phải dùng phần mềm Corel DRAW căn chỉnh thì mới in được. Đ hứa giúp nhưng thấy vi phạm pháp luật nên từ chối; T và C tìm đến nhà trọ của Đ, nhờ Đ hướng dẫn cho việc sử dụng phần mềm Corel DRAW để tự chỉnh việc in tiền. Do vị nể C là cha vợ nên Đ đã đồng ý giúp và trực tiếp cài đặt phần mềm Corel DRAW vào laptop ASUS và hướng dẫn cho T các thao tác sử dụng phần mềm, chỉnh sửa tờ tiền cho đúng với kích thước tờ tiền thật. Sau đó, T và C về phòng trọ của C tiến hành căn chỉnh và in các tờ tiền có mệnh giá từ 10.000 đồng đến 500.000 đồng. Sau khi in ra, N và Thu E lựa ra những tờ tiền trùng khớp hai mặt, màu sắc phù hợp, sử dụng kéo cắt phần giấy trắng dư và hoa văn tại ô cửa sổ của tờ tiền rồi lấy bọc nilon kẹp hai bên mặt tờ tiền, dùng máy ép nhiệt ép lại nhưng do máy ép nhiệt ép dễ bị hư nên N và Thu E sử dụng bàn ủi ép cho bọc nilon dính chặt vào tờ tiền, ép xong dùng kéo cắt phần nilon dư để hoàn chỉnh tờ tiền giả loại Polymer.

Việc in tiền giả diễn ra tại phòng trọ của Thu E và N. Ngoài ra, vào khoảng đầu tháng 8/2019 N và T còn đem Laptop, máy in đến phòng trọ của T thuê để in tiền giả. Lúc đầu do thấy tiền in ra xấu nên T không dám sử dụng nhưng sau đó tất cả đã cùng nhau đem tiền giả đi sử dụng.

Đến giữa tháng 8/2019, do cần tiền để trả tiền thuê nhà trọ nên T kêu N đưa tiền nhưng N không đưa nên T bất mãn bỏ đi và về sinh sống ở Cà Mau.

Lúc này, C đem Laptop, máy in màu và giấy A4 đến gửi tại nhà con gái là Đặng Thị Hồng M và có nhờ con rể là Nguyễn Tấn Đ in tiền giả nhưng Đ không đồng ý.

Với phương thức và thủ đoạn như trên, từ giữa tháng 7/2019 đến giữa tháng 8/2019, Lương Thị Thu N, Trần T, Huỳnh Thu Em và Đặng Thanh C đã làm tiền giả tổng cộng 27.200.000 đồng. Trong đó, Lương Thị Thu N cắt ép được số tiền 20.000.000 đồng, Huỳnh Thu E cắt ép được số tiền 7.200.000 đồng. Số tiền giả này được lưu hành như sau:

- Lương Thị Thu N sử dụng số tiền 20.000.000 đồng giả đã cắt ép được như sau: N trực tiếp sử dụng, lưu hành khoảng 9.050.000 đồng; đưa cho Trần T 2.000.000 đồng, đưa Đặng Thanh C 150.000 đồng, đưa Trương Thị Thu N (N mập) 04 lần khoảng 3.700.000 đồng (trong đó có gói tiền giả 2.000.000 đồng, Trương Thị Thu N đưa lại cho Trần T), đưa Cao Văn L 04 lần với tổng số tiền 2.000.000 đồng và đưa Bùi Ngọc A 02 lần tổng số tiền 1.200.000 đồng. Lương Thị Thu N còn trực tiếp sử dụng tiền giả cùng với Trần T, Cao Văn L, Bùi Ngọc A với số tiền khoảng 1.750.000 đồng dùng để mua thức ăn, thuốc lá, đồ xăng xe của một số người bán hàng rong nhỏ lẻ không rõ địa chỉ.

- + Trần T sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Altila biển số 69C1 – 096.18 chở Lương Thị Thu N đi lưu hành tiền giả trót lọt 02 lần với số tiền 600.000 đồng như sau: N sử dụng 01 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng để trả tiền ăn hủ tiếu gõ trên đường Trần Hoàng Na hết 30.000 đồng và sử dụng 01 tờ tiền giả mệnh giá 100.000 đồng để mua nước, thuốc lá tại tiệm tạp hóa trên đường Hoàng Quốc Việt hết 28.000 đồng; số tiền thật dư lại N đưa cho Trần T cất giữ sử dụng. Ngoài ra, N còn sử dụng 01 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng để trả tiền ăn hủ tiếu nhưng do người bán không có tiền dư trả lại nên cho N nợ lại, sau đó N tiếp tục sử dụng 01 tờ tiền giả mệnh giá 100.000 đồng để mua bánh mì nhưng người bán nghi ngờ nên đổi lại.

- + Cao Văn L sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Honda biển số 65F4 – 2383 chở Lương Thị Thu N 03 lần để đi lưu hành tiền giả với tổng số tiền 1.100.000 đồng. Trong đó 02 lần đầu N đưa cho L 03 tờ tiền giả mệnh giá 20.000 đồng và 01 tờ mệnh giá 50.000 đồng để trả tiền mua nước uống, thức ăn của người bán hàng rong ở khu vực U; lần thứ 03 N đưa cho L 01 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng, L sử dụng để đổ xăng xe hết 50.000 đồng tại cây xăng trên Quốc lộ 61C thuộc thị trấn Một Ngàn, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, số tiền thật thu về N cất giữ, sử dụng.

- + Lương Thị Thu N rủ Bùi Ngọc A sử dụng xe mô tô biển số 95CA – 003.35 chở N đến khu vực U, N sử dụng 01 tờ tiền giả mệnh giá 50.000 đồng để mua thuốc lá của người bán hàng rong hết 20.000 đồng.

Số tiền giả còn lại 8.940.000 đồng Lương Thị Thu N chưa kịp sử dụng thì bị Cơ quan an ninh điều tra phát hiện khám xét khẩn cấp thu giữ tại nơi ở của N.

- Đối với Huỳnh Thu E và Đặng Thanh C, quá trình điều tra xác định được: Ngoài hành vi làm tiền giả như trên, Huỳnh Thu E còn trực tiếp cắt, ủi ép khoảng 7.200.000 đồng tiền giả các mệnh giá được lưu hành sử dụng như sau:

+ Huỳnh Thu E trực tiếp sử dụng 1.000.000 đồng tiền giả mệnh giá 50.000 đồng để mua rau, cá, nước mía của những người bán hàng rong nhỏ lẻ ở chợ cầu Bà Bộ, chợ An Hòa, chợ An Bình và tại khu vực Thiền Viện Trúc Lâm Phương Nam. Trong đó có 02 lần Huỳnh Thu E đi cùng Trần T nhưng việc sử dụng tiền giả do Huỳnh Thu E thực hiện và có nói cho Trần T biết.

+ Huỳnh Thu E đưa cho Đặng Thanh C khoảng 3.500.000 đồng tiền giả và Lương Thị Thu N đưa 150.000 đồng tiền giả để sử dụng. Đặng Thanh C sử dụng tiền giả do Thu E và N đưa để mua thuốc lá, card điện thoại di động, cà phê... của những người bán hàng rong nhỏ lẻ không rõ địa chỉ, tổng cộng 1.900.000 đồng. Số tiền giả còn lại 4.300.000 đồng bị Cơ quan an ninh điều tra phát hiện khám xét khẩn cấp thu giữ.

- Đối với Trần T: Ngoài hành vi làm tiền giả, Trần T còn nhận tiền giả từ Lương Thị Thu N khoảng 2.000.000 đồng gồm 04 tờ mệnh giá 500.000 đồng nhưng chưa sử dụng thì bị thất lạc và cùng với Lương Thị Thu N sử dụng tiền giả như lời khai nhận của Lương Thị Thu N. Vào khoảng tháng 8/2019, Trần T có thuê phòng trọ tại nhà trọ Hai Long – hẻm 90 đường Hùng Vương, phường Thới Bình, quận U để ở. Do không có tiền trả tiền thuê phòng trọ và sợ bị chủ nhà trọ phát hiện những tờ tiền giả còn sót lại trong phòng nên Trần T đến gặp Trương Thị Thu N hỏi mua tiền giả để trả tiền phòng trọ. Trần T hẹn gặp Trương Thị Thu N để thỏa thuận giá mua bán tiền giả, Trương Thị Thu N nói dối với Trần T là 10.000.000 đồng tiền giả đổi lấy 1.600.000 đồng tiền thật và Trần T đưa Trương Thị Thu N 300.000 đồng tiền thật để đặt mua 2.000.000 đồng tiền giả. Do không có tiền giả nên Trương Thị Thu N nói lại cho Lương Thị Thu N biết và đưa gói tiền giả 2.000.000 đồng cho Trương Thị Thu N để đưa lại cho Trần T và Trương Thị Thu N đi cùng Bùi Ngọc A đến đưa tiền giả cho Trần T, Trần T lấy ra kiểm tra được 2.100.000 đồng tiền giả và biết đây là tiền giả do Lương Thị Thu N và Trần T làm ra. Sau khi có tiền giả Trần T và Trương Thị Thu N cùng nhau đi sử dụng như sau:

+ Trần T sử dụng 150.000 đồng gồm 01 tờ mệnh giá 100.000 đồng, 01 tờ mệnh giá 50.000 đồng để trả tiền thuê phòng trọ tại nhà trọ Thành Đ thuộc phường Hưng Thạnh, quận R (không bị chủ nhà trọ phát hiện). Sau đó, Trần T và Trương Thị Thu N tiếp tục đến thuê nhà trọ Thành Đạt, Trần T sử dụng tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng để trả tiền thuê phòng và nước uống là 150.000 đồng, số tiền thật dư lại 350.000 đồng Trần T và Trương Thị Thu N đi ăn uống, đến khuya bà Võ Thị K là chủ nhà trọ Thành Đạt kiểm tra lại tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng nghi ngờ là tiền giả nên gặp Trần T yêu cầu đổi lại tiền khác nên Trần T thỏa thuận trả lại cho bà K 150.000 đồng tiền thật và thế chấp 01 điện thoại di động hiệu Mobell của Trương Thị Thu N, hẹn hôm sau chuộc lại.

Số tiền giả còn lại Trần T chia cho Trương Thị Thu N 150.000 đồng gồm có 03 tờ mệnh giá 50.000 đồng, số tiền giả còn lại Trần T cất giấu trong cốp xe nhãn hiệu Altila biển số 69C1 – 096.18 và Trương Thị Thu N cùng đi nên biết. Đến đầu tháng 9/2019, Trương Thị Thu N và Trần T đến nhà của Nguyễn Thanh Xuân ở nhờ vài ngày, Trần T và N nói cho Xuân biết là có tiền giả và đưa cho Xuân xem 01 tờ tiền giả mệnh giá 50.000 đồng nhưng Xuân chê xấu rồi trả lại. Lúc này N lấy xe mô tô Altila biển số 69C1 – 096.18 để sử dụng, Trần T nhờ Xuân đi tìm Trương Thị Thu N để lấy lại xe đem về cầm lấy tiền trả tiền thuê

phòng trọ để lấy lại đồ trong phòng. Khi Xuân lấy được xe về đưa cho Trần T thì phát hiện trong bao tay để ở cốp xe có tiền thì Trần T nói cho Xuân đó là tiền giả, Trần T kiểm tra còn 300.000 đồng, Xuân kêu Trần T đưa tiền giả cho Xuân đem bỏ nên Trần T đưa hết số tiền này cho Xuân, còn Xuân có đem bỏ hay không thì Trần T không biết. Sau đó, Trần T cầm xe mô tô nhãn hiệu Altila, lấy tiền trả tiền thuê phòng trọ và bỏ về quê ở Cà Mau sinh sống cho đến khi bị bắt.

- Đối với Trương Thị Thu N: Vào khoảng tháng 8/2019, N được Lương Thị Thu N cho biết là có tiền giả và hỏi Trương Thị Thu N có xài thì Lương Thị Thu N đưa cho sử dụng thử thì Trương Thị Thu N đồng ý. Từ tháng 8/2019 đến khi bị bắt, Lương Thị Thu N đã 03 lần đưa tiền giả cho Trương Thị Thu N với tổng số tiền khoảng 1.700.000 đồng để lưu hành. Trương Thị Thu N đã sử dụng hết 600.000 đồng tiền giả cụ thể: Sử dụng 01 tờ mệnh giá 500.000 đồng để mua một con vịt với giá 165.000 đồng của 01 người không rõ địa chỉ ở cầu Bà Bộ, đi cùng với Bùi Ngọc A sử dụng 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng để mua bánh mì giá 10.000 đồng của một người bán không rõ địa chỉ ở cầu Quang Trung và 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng để đổ xăng xe ở cây xăng trên đường Trần Văn Hoài, quận U. Ngoài ra, Trương Thị Thu N còn cho chị Kim Thị Trúc Mai 01 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng nhưng chị Mai không dám sử dụng nên Trương Thị Thu N đem tờ tiền này đốt bỏ. Số tiền giả còn lại gồm: 01 tờ mệnh giá 500.000 đồng, 02 tờ mệnh giá 50.000 đồng, do không giống tiền thật nên Trương Thị Thu N đã đốt bỏ.

Trương Thị Thu N còn thừa nhận gói tiền giả 2.000.000 đồng mà Lương Thị Thu N đưa đã giao lại cho Trần Thị T, sau đó Trương Thị Thu N và Trần Thị G đến nhà trọ Thành Đ để sử dụng như lời trình bày của Trần Thị G. Ngoài ra, Trương Thị Thu N còn lấy 150.000 đồng trong gói tiền giả 2.000.000 đồng mà Trương Thị Thu N đã đưa cho Trần T để mua vé số và vào khoảng đầu tháng 9/2019 Trương Thị Thu N cùng với Trần T có đến nhà của Nguyễn Thanh Xuân như lời trình bày của Trần T.

- Đối với Cao Văn L: Do quen biết với Lương Thị Thu N nên khoảng tháng 8/2019, Lương Thị Thu N đưa cho L 02 lần tiền giả tổng cộng số tiền 1.700.000 đồng gồm 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 10 tờ mệnh giá 100.000 đồng, 04 tờ mệnh giá 50.000 đồng nhưng L thấy tiền giả không giống tiền thật nên không dám sử dụng và cất giữ ở nhà trọ chờ dịp thuận lợi mang ra lưu hành. L sử dụng xe mô tô biển số 65F4 - 2383 chở Lương Thị Thu N 03 lần đi sử dụng tiền giả và đã sử dụng được 540.000 đồng như lời trình bày của N, cụ thể: L chở N đi đến Quốc lộ 61C đến thị trấn Một Ngàn, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang dùng tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng đổ xăng xe 50.000 đồng, số tiền dư trả lại 450.000 đồng N cất giữ sử dụng. Hai lần sau L và N xuống bến U, N đưa cho L 02 lần tiền giả là 110.000 đồng gồm 01 tờ mệnh giá 50.000 đồng và 03 tờ mệnh giá 20.000 đồng, L sử dụng 02 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng để mua nước uống, còn tờ tiền 50.000 đồng và 01 tờ 20.000 đồng L cất sử dụng riêng. Khám xét khẩn cấp nơi ở của Cao Văn L thu giữ 1.770.000 đồng tiền giả.

- Đối với Bùi Ngọc A: A có quen biết từ trước với Lương Thị Thu N và Trương Thị Thu N. Vào khoảng giữa tháng 8/2019, A chứng kiến Lương Thị Thu N đưa tiền giả cho Trương Thị Thu N nên A có hỏi Lương Thị Thu N và lấy một ít tiền giả để sử dụng thử thì Lương Thị Thu N đồng ý và đưa cho A

100.000 đồng gồm 05 tờ mệnh giá 20.000 đồng; A lấy 02 tờ mệnh giá 20.000 đồng để mua card điện thoại di động tại tiệm tạp hóa của chị Nguyễn Thị Thanh Thảo, còn lại 03 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng A đem đốt bỏ. Sau đó, Lương Thị Thu N tiếp tục đưa cho A số tiền giả 1.100.000 đồng gồm 01 tờ mệnh giá 500.000 đồng, 03 tờ mệnh giá 100.000 đồng và 06 tờ mệnh giá 50.000 đồng; số tiền giả trên A sử dụng hết 950.000 đồng để mua vé số, thuốc lá, nước uống của những người bán hàng rong không rõ địa chỉ, trong đó có 01 tờ tiền giả mệnh giá 100.000 đồng A mua thuốc lá giá 17.000 đồng ở tiệm tạp hóa của chị Thảo, 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng bị hư nên A đốt bỏ. Đến ngày 12/9/2019, A tiếp tục sử dụng 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng để trả tiền mua thuốc lá tại tiệm của chị Thảo thì bị chị Thảo phát hiện nghi ngờ tiền giả nên báo Công an phường Lê Bình xử lý, đồng thời kiểm tra trên người của A thu giữ thêm 01 tờ tiền giả mệnh giá 50.000 đồng. A thừa nhận đã sử dụng tiền giả như lời trình bày của chị Thảo, chị Thảo đã giao nộp cho Công an phường Lê Bình 140.000 đồng tiền giả mà A đã sử dụng mua hàng hóa tại tiệm tạp hóa của chị Thảo.

- Đối với Nguyễn Tấn Đ: Khi cho cha vợ là Đặng Thanh C mượn Laptop thì không biết C sử dụng vào mục đích gì. Sau đó, C yêu cầu Đ cài đặt máy in phun màu vào Laptop và phần mềm Corel DRAW để căn chỉnh in tờ tiền cho khớp hai mặt tờ tiền đúng kích thước tờ tiền thật. Lúc đầu, Đ từ chối nhưng vì nể nang C là cha vợ nên đã giúp cho C và Trần T in tiền giả; Đ không trực tiếp làm ra tiền giả nhưng nhờ có Đ nên C và Trần T mới thực hiện được việc in tiền giả nhanh chóng.

- Đối với Đặng Thị Hồng M: Lúc đầu, M không biết cha ruột là Đặng Thanh C mượn Laptop hiệu ASUS để sử dụng vào mục đích in làm tiền giả. Tuy nhiên, sau khi đi cùng và chứng kiến Nguyễn Tấn Đ giúp Đặng Thanh C cài đặt kết nối máy in phun màu với Laptop và hướng dẫn cho Trần T cách in hai mặt tờ tiền cho trùng khớp trên giấy A4 thì M đã biết rõ Đặng Thanh C, Trần T và Huỳnh Thu E đang chuẩn bị in làm tiền giả. Ngoài ra, trong một lần Đặng Thanh C lên nhà M chơi, Đặng Thanh C có đưa cho M xem 01 tờ tiền giả mệnh giá 50.000 đồng và khoe là tiền giả của C làm ra; đồng thời, C kêu M sử dụng thử nhưng M sợ không dám sử dụng. Do đó, Đặng Thị Hồng M biết rõ Đặng Thanh C, Huỳnh Thu E, Nguyễn Tấn Đ và những bị cáo khác cùng tham gia làm tiền giả nhưng không tố giác với cơ quan chức năng để xử lý.

- Đối với bị cáo Lương Trung B: B là con ruột của Huỳnh Thu E và kêu Đặng Thanh C là cha dượng, tuy ở khác phòng trọ nhưng B nhiều lần qua phòng trọ của Huỳnh Thu E và chứng kiến Thu E, C, Lương Thị Thu N và Trần T đang thực hiện hành vi làm tiền giả. B nhận thức được hành vi in tiền giả là vi phạm pháp luật nên khi phát hiện Thu E tham gia làm tiền giả có khuyên can nhưng lại không tố giác đến cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

Vật chứng thu giữ:

+ Thu giữ của Lương Thị Thu N: Số tiền 8.940.000 đồng nghi là tiền giả; 01 cuộn nilon trong suốt chiều dài khoảng 50cm, chiều ngang 10cm; 06 miếng nilon trong suốt chiều dài khoảng 42cm, chiều ngang khoảng 16cm; 01 bàn ủi hiệu National màu trắng sữa; 01 máy ép nhựa hiệu Intelligent-IM3510 màu vàng; 01 điện thoại di động hiệu Mastel Jono Q5 màu hồng trắng kèm sim số

0868.075227; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen kèm sim số 0789.515316.

+ Thu giữ của Huỳnh Thu E và Đặng Thanh C: Số tiền 4.300.000 đồng nghi là tiền giả; tiền Việt Nam 3.280.000 đồng; 01 căn cước công dân mang tên Đặng Thanh C; 01 sổ hộ khẩu mang tên Huỳnh Thu E; 01 thẻ ATM của Ngân hàng ACB tên Huỳnh Thu E; 01 thẻ ATM của Ngân hàng MB tên Huỳnh Thu E; 01 quyển tập có ghi thông tin người nhận tiền và số tiền liên quan; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen hồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sony màu trắng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki màu đỏ biển số 65B1 – 265.59.

+ Thu giữ của Trần T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen kèm sim số 0949.555902.

+ Thu giữ của Cao Văn L: Tiền Việt Nam 1.700.000 đồng; 1.770.000 đồng nghi là tiền giả; 01 xe mô tô biển số 65F4 – 2383; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar – B310 màu cam đen trắng kèm 02 sim có 01 sim số 0793.916287.

+ Thu giữ của Bùi Ngọc A: Số tiền 100.000 đồng nghi là tiền giả, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1133; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia TA 1080.

+ Đặng Thị Hồng M tự nguyện giao nộp: 01 máy Laptop hiệu ASUS màu bạc; 01 máy in màu hiệu EPSON – L310 màu đen; 01 đĩa cài đặt máy in hiệu EPSON-L310; 01 lốc giấy có 185 tờ giấy A4 (do Gửi tại nhà trọ của M).

+ Lương Trung B tự nguyện giao nộp: 01 bàn ủi điện hiệu Dryjion và 01 cây kéo dài 25cm có tay cầm màu xanh (do Thu E sử dụng để ép tiền giả).

+ Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo tự nguyện giao nộp 140.000 đồng tiền giả.

+ Bà Võ Thị Kim tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell màu đen của Trương Thị Thu N thế chấp lúc thuê phòng trọ.

+ Anh Vũ Trương Phan Anh tự nguyện giao nộp 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 65F4 – 2383 do Cao Văn L đã cầm cố.

+ Ông Đặng Thanh Tường tự nguyện giao nộp 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô nhãn hiệu Suzuki biển số 65B1 – 265.59.

Tại kết luận giám định số: 128/KLGD-PC09 ngày 20/9/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Cần Thơ kết luận: 15 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng ký hiệu từ A1 đến A15; 03 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng ký hiệu A16, A17, A18; 06 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng ký hiệu từ A19 đến A24; 03 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng ký hiệu A25, A26, A27; 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng ký hiệu A28 và 07 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng ký hiệu từ A29 đến A35. Tổng cộng 35 tờ tiền được niêm phong trong bao thư có chữ ký tên Lương Thị Thu N, qua giám định là tiền giả, được làm bằng phương pháp in phun màu.

Tại kết luận giám định số: 129/KLGD-PC09 ngày 18/9/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Cần Thơ kết luận: 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng ký hiệu A1; 02 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng ký hiệu A2, A3; 02 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng ký hiệu A4, A5. Tổng cộng 05 tờ tiền được niêm phong trong bao thư có chữ ký ghi tên Bùi Ngọc A, qua giám định là tiền giả, được làm bằng phương pháp in phun màu.

Tại kết luận giám định số: 130/KLGD-PC09 ngày 30/9/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Cần Thơ kết luận: 07 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng ký hiệu từ A1 đến A7; 16 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng ký hiệu từ A8 đến A23. Tổng cộng, 23 tờ tiền được niêm phong trong bao thư có chữ ký tên Huỳnh Thu E, qua giám định là tiền giả, được làm bằng phương pháp in phun màu.

Tại kết luận giám định số: 145/KLGD-PC09 ngày 14/10/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Cần Thơ kết luận: 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng ký hiệu A1; 10 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng ký hiệu từ A2 đến A11; 05 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng ký hiệu từ A12 đến A16 và 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng ký hiệu A17. Tổng cộng, 17 tờ tiền được niêm phong trong bao thư có chữ ký tên Cao Văn L, qua giám định là tiền giả, được làm bằng phương pháp in phun màu.

Như vậy, tổng số tiền thu giữ và gửi giám định là 15.250.000 đồng bao gồm nhiều mệnh giá khác nhau là tiền giả, được làm bằng phương pháp in phun màu.

Cơ quan An ninh điều tra – Công an thành phố Cần Thơ đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho Lương Trung B 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng; trả cho bà Đặng Thị Y quản lý 01 căn cước công dân mang tên Đặng Thanh C, 01 sổ hộ khẩu mang tên Huỳnh Thu E, 01 thẻ ATM của Ngân hàng ACB tên Huỳnh Thu E, 01 thẻ ATM của Ngân hàng MB tên Huỳnh Thu E, 01 quyển tập có ghi thông tin người nhận tiền và số tiền liên quan.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Suzuki màu đỏ biển số 65B1 – 265.59 kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe do Đặng Thanh C mua để sử dụng. Qua xác minh chiếc xe không rõ nguồn gốc, số máy, số khung bị tẩy xóa, biển số được lắp cho xe mô tô khác nên có cơ sở chứng minh giấy chứng nhận đăng ký xe trên là giả, có dấu hiệu của tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức” theo Điều 341 Bộ luật Hình sự nên đề nghị tách riêng để Công an quận U xác minh tiếp tục xử lý theo thẩm quyền.

Đối với Nguyễn Thanh R, Kim Thị Trúc O, Võ Thị K và Trần Quốc Q chưa đủ cơ sở chứng minh đã thực hiện hành vi phạm tội nên không xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Võ Thị K và ông Vũ Trương Phan F không có yêu cầu; bà Nguyễn Thị Thanh Z yêu cầu Bùi Ngọc A bồi thường số tiền 140.000 đồng.

Tại bản án hình sự số: 73/2020/HSST ngày 26/5/2020 của Tòa án nhân dân quận U đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Tấn Đ phạm tội “Làm tiền giả”.

Áp dụng: Khoản 2 Điều 207; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tấn Đ 05 năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên phạt đối với các bị cáo khác; tuyên phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi tuyên án sơ thẩm, vào ngày 01/6/2020 bị cáo Nguyễn Tấn Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo với lý do phạm tội lần đầu do nỗ lực cha vợ là bị cáo Đặng Thanh C, nhân thân chưa tiền án tiền sự; đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là lao động chính trong gia đình đang nuôi con bị bệnh gan phải điều trị hàng tháng tại bệnh viện Nhi đồng 2 thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Tấn Đ thừa nhận hành vi phạm tội, xin giảm nhẹ hình phạt và không cung cấp thêm chứng về các tình tiết mới.

Kiểm sát viên nhận định: Bản án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ, đúng pháp luật, đúng với hành vi phạm tội của bị cáo; mức hình phạt đã tuyên là phù hợp, đã có xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ đối với bị cáo. Bị cáo kháng cáo nhưng không bổ sung thêm chứng cứ về các tình tiết mới, các lý do kháng cáo của bị cáo đã được xem xét ở cấp sơ thẩm cũng như sẽ được xem xét trong quá trình chấp hành án. Do đó, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Quá trình tiến hành tố tụng ở cấp sơ thẩm đã tuân thủ các quy định của pháp luật, bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho những người tham gia tố tụng. Các chứng cứ tại hồ sơ đủ để kết luận về hành vi phạm tội của bị cáo, cũng như để giải quyết các vấn đề khác có liên quan.

[1] Bị cáo Nguyễn Tấn Đ thừa nhận hành vi phạm tội phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo. Bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ nhận thức pháp luật, am hiểu về công nghệ thông tin. Bị cáo biết rõ hành vi làm tiền giả để sử dụng lưu hành là vi phạm pháp luật; biết Lương Thị Thu N, Trần T, Huỳnh Thu E và Đặng Thanh C làm tiền giả để lưu hành nhưng bị cáo đã giúp sức rất tích cực; đã cài đặt kết nối giữa máy tính với máy in phun màu, tiếp tục hướng dẫn cách chỉnh sửa tờ tiền giả và trực tiếp in thử tờ tiền 5.000 đồng; hướng dẫn và cài đặt phần mềm Corel DRAW để in tiền giả giống tiền thật. Do chỉ bị cáo là người am hiểu về công nghệ thông tin nên không có sự giúp sức tích cực của bị cáo thì các bị cáo khác không có khả năng làm ra được tiền giả để lưu hành với tổng số tiền 27.200.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Làm tiền giả” theo khoản 2 Điều 207 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế và tiền tệ; việc làm và sử dụng tiền giả để lưu hành gây hậu quả, hệ lụy rất nặng nề cho xã hội và nền kinh tế của đất nước; bị cáo phạm tội với vai trò giúp sức nhưng rất tích cực nên cần có mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo tính răn đe giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên chỉ xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt là không cao.

[3] Bị cáo kháng cáo nhưng không bổ sung thêm chứng cứ về các tình tiết mới để được xem xét ở cấp phúc thẩm; bị cáo cho rằng phạm tội do nể nang cha vợ là Đặng Thanh C nhưng bản thân bị cáo nhận thức rất rõ việc làm tiền giả là vi phạm pháp luật, lẽ ra bị cáo phải ngăn cản nhưng ở đây bị cáo đã tận dụng sự am hiểu về công nghệ thông tin của bị cáo để giúp sức rất tích cực nên không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày này của bị cáo; các lý do về hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn đã được xem xét ở cấp sơ thẩm và sẽ được xem xét trong quá trình bị cáo chấp hành án. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên. Bị cáo phạm tội với vai trò giúp sức, là đồng phạm nên có bổ sung điều luật áp dụng quy định tại Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Tấn Đ phạm tội “Làm tiền giả”.

Căn cứ khoản 2 Điều 207; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tấn Đ 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành.

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Cần Thơ;
- Trại tạm giam;
- Cơ quan tố tụng Q. U;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Quý